



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.com.vn

Mã chứng khoán: ITD
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1-2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4-5
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	6-27



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/04/2025
A- Tài sản ngắn hạn	100		78,775,162,455	99,450,293,846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4,382,787,291	4,281,802,836
1. Tiền	111		3,590,179,291	2,580,194,836
2. Các khoản tương đương tiền	112		792,608,000	1,701,608,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5,560,000,000	10,565,032,014
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,560,000,000	10,565,032,014
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31,733,567,620	71,128,624,798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	105,879,106,072	142,537,451,497
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2,788,534,622	5,823,955,191
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1,229,629,853	1,933,741,037
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(78,163,702,927)	(79,166,522,927)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	33,864,583,136	12,627,957,884
1. Hàng tồn kho	141		46,327,337,715	25,090,712,463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12,462,754,579)	(12,462,754,579)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,234,224,408	846,876,314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	384,177,922	111,441,041
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,850,046,486	735,435,273
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221,628,321,972	216,545,246,407
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		41,409,397,283	42,060,244,063
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	28,170,573,444	28,593,615,365
- Nguyên giá	222		71,115,540,277	71,069,460,360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42,944,966,833)	(42,475,844,995)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13,238,823,839	13,466,628,698
- Nguyên giá	228		24,771,297,245	24,771,297,245
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11,532,473,406)	(11,304,668,547)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	179,787,357,888	174,451,807,888
1. Đầu tư vào công ty con	251		213,761,357,888	208,425,807,888
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6,000,000,000	6,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7,367,100,000	7,367,100,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47,341,100,000)	(47,341,100,000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		431,566,801	33,194,456
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	431,566,801	33,194,456
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		300,403,484,427	315,995,540,253

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/04/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31,745,566,678	52,550,689,404
I. Nợ ngắn hạn	310		29,067,427,209	49,871,989,950
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13,708,095,399	9,687,975,050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9,208,974,584	6,836,182,972
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	259,548,780	44,952,518
4. Phải trả người lao động	314	V.14		3,372,991,107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	100,000,000	256,998,545
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1,007,623,759	421,413,450
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	2,040,128,654	26,868,672,844
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	582,968,873	577,278,473
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2,160,087,160	1,805,524,991
II. Nợ dài hạn	330		2,678,139,469	2,678,699,454
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	195,200,000	195,200,000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	2,482,939,469	2,483,499,454
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	268,657,917,749	263,444,850,849
I. Vốn chủ sở hữu	410		268,657,917,749	263,444,850,849
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245,335,910,000	245,335,910,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245,335,910,000	245,335,910,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(721,880,000)	(721,880,000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24,043,887,749	18,830,820,849
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18,124,449,167	(18,779,922,243)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,919,438,582	37,610,743,092
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		300,403,484,427	315,995,540,253

Người lập biểu



Vũ Thị Nữ

Kế toán trưởng



Vũ Thị Nữ

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầy đủ)

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Mã số	Từ ngày 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ ngày 01/04/2024 đến 30/06/2024	Đơn vị tính: VNĐ	
						Lũy kế từ ngày 01/04/2025 đến 31/03/2026	Lũy kế từ ngày 01/04/2024 đến 31/03/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		VI.01	01	7,755,951,136	25,587,662,114	7,755,951,136	25,587,662,114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		VI.01	10	7,755,951,136	25,587,662,114	7,755,951,136	25,587,662,114
4. Giá vốn hàng bán		VI.02	11	4,827,159,056	19,875,305,233	4,827,159,056	19,875,305,233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			20	2,928,792,080	5,712,356,881	2,928,792,080	5,712,356,881
6. Doanh thu hoạt động tài chính		VI.03	21	3,202,157,847	3,592,264,787	3,202,157,847	3,592,264,787
7. Chi phí tài chính		VI.04	22	147,499,891	595,452,322	147,499,891	595,452,322
- Trong đó: Lãi vay phải trả			23	147,499,891	591,360,960	147,499,891	591,360,960
8. Chi phí bán hàng		VI.05	24	3,455,895	2,674,395,068	3,455,895	2,674,395,068
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		VI.06	25	86,521,378	2,102,922,233	86,521,378	2,102,922,233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			30	5,893,472,763	3,931,852,045	5,893,472,763	3,931,852,045
11. Thu nhập khác		VI.07	31	27,451,459	24,002,861	27,451,459	24,002,861
12. Chi phí khác		VI.08	32	1,485,640	181,768,156	1,485,640	181,768,156
13. Lợi nhuận khác			40	25,965,819	(157,765,295)	25,965,819	(157,765,295)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế			50	5,919,438,582	3,774,086,750	5,919,438,582	3,774,086,750
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		VI.09	51		310,073,570		310,073,570
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			52				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN			60	5,919,438,582	3,464,013,180	5,919,438,582	3,464,013,180

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG



Nguyễn Ngọc Trung

Vũ Thị Nữ

Vũ Thị Nữ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2025 đến 30/06/2025

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,919,438,582	3,774,086,750
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		696,926,697	844,759,921
- Các khoản dự phòng	03		(997,689,585)	(1,244,989,419)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6,084,571	4,091,362
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,206,576,380)	(3,585,431,112)
- Chi phí lãi vay	06		147,499,891	591,360,960
- Các khoản điều chỉnh khác	07			(4,711,101)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2,565,683,776	379,167,361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38,355,021,405	33,864,140,185
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21,236,625,252)	6,791,452,549
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3,468,917,912	(59,990,951,033)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(671,109,226)	(150,918,872)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(304,498,436)	(421,363,094)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(310,073,570)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(7,217,037)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22,177,390,179	(19,845,763,511)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(46,079,917)	-
đơn vị khác	24		5,005,032,014	-
2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5,335,550,000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,134,820,940	3,544,803,369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,758,223,037	3,544,803,369

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của				
2. Tiền thu từ đi vay	33		4,706,962,826	32,701,757,033
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(29,535,507,016)	(60,116,777,133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24,828,544,190)	(27,415,020,100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		107,069,026	(43,715,980,242)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4,281,802,836	55,871,253,244
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6,084,571)	(4,091,362)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4,382,787,291	12,151,181,640

Người lập biểu

Vu Thị Nữ

Kế toán trưởng

Vu Thị Nữ

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2025

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Công ty có 11 nhân viên đang làm việc

5. Cấu Trúc Công ty

Thông tin công ty con

01/ Công ty Cổ phần Đầu tư Giải Pháp Công Nghệ Tiên Phong

+ Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. HCM.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 99,60%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99,60%

02/ Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tự Động Tân Tiến

+ Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. HCM.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 91.89%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 91.89%

03/ Công ty Cổ Phần Cơ điện Thạch Anh

+ Địa chỉ: Lầu 4 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 78.21%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 78.21%

04/ Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu

+ Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 50,02%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 53.23% trong đó có khoản 3.21% là quyền biểu quyết mà Tiên Phong được Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tánh Linh ủy quyền biểu quyết.

05/ Công ty TNHH Global - Sitem

+ Địa chỉ: Lầu 4 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. HCM .

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 31,89%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 63,75%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

06/ Công ty Cổ Phần Inno

+ Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 50%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99,96%

07/ Công ty TNHH MTV Innovative Software Development

+ Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100%

08/ Công ty CP Tư Vấn và Phát Triển Phần Mềm Larion

+ Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà QTSC Building 1, Lô 34, Đường Số 14, Công Viên Phần Mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, Thành Phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ vốn do công ty nắm giữ: 51%

+ Quyền biểu quyết: 51%

09/ Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion

+ Tỷ lệ lợi ích: 29.67%

+ Quyền biểu quyết: 58.17%

Thông tin công ty liên kết

01/ Công ty Cổ Phần Intelnet

+ Tỷ lệ vốn do công ty nắm giữ: 45.42%

+ Quyền biểu quyết: 45.42%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Công ty đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 05% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những Kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn Cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

16. Nguyên Tắc chuyển đổi ngoại tệ và xử lý chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo hướng dẫn của thông tư 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025	01/04/2025
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,590,179,291	2,580,194,836
Các khoản tương đương tiền	792,608,000	1,701,608,000
Cộng	4,382,787,291	4,281,802,836

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2025		01/04/2025	
Đối tượng	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	213,761,357,888	(35,537,000,000)	208,425,807,888	(35,537,000,000)
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	34,510,534,223	-	29,174,984,223	-
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	13,434,330,100	-	13,434,330,100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải Pháp Công Nghệ Tiên Phong	29,624,516,601	-	29,624,516,601	-
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	37,204,976,964	(31,003,000,000)	37,204,976,964	(31,003,000,000)
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	9,000,000,000	(4,534,000,000)	9,000,000,000	(4,534,000,000)
Công ty cổ phần Tư Vấn và Phát triển Phần mềm Larion	89,987,000,000	-	89,987,000,000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	6,000,000,000	(4,437,000,000)	6,000,000,000	(4,437,000,000)
Công ty cổ phần INTELNET	6,000,000,000	(4,437,000,000)	6,000,000,000	(4,437,000,000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7,367,100,000	(7,367,100,000)	7,367,100,000	(7,367,100,000)
Công ty cổ phần Giao Thông Số Việt Nam	7,367,100,000	(7,367,100,000)	7,367,100,000	(7,367,100,000)
Cộng	227,128,457,888	(47,341,100,000)	221,792,907,888	(47,341,100,000)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025	01/04/2025
Phải thu các bên liên quan	6,093,470,697	7,482,886,290
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	267,029,247	246,367,111
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	4,795,232,224	4,630,925,555
Công ty TNHH Global-Sitem	115,771,350	109,826,699
Công ty CP Đầu tư Giải pháp Công nghệ Tiên Phong	915,437,876	2,492,946,925
Công ty Cổ Phần INTELNET	-	2,820,000
Phải thu các khách hàng khác	99,785,635,375	135,054,565,207
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	64,604,233,427	66,782,737,696
Tổng Công Ty Phát triển Hạ Tầng và Đầu Tư Tài Chính Việt Nam - Công ty Cổ Phần	7,714,725,602	32,771,674,066
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	5,502,915,540	5,502,915,540
Công ty CP Đầu Tư Phúc Thành Hưng	-	4,626,112,372
Công ty CP Tổng công ty Đầu tư xây dựng 194	2,540,629,149	3,540,629,149
Các khách hàng khác	19,423,131,657	21,830,496,384
Cộng	105,879,106,072	142,537,451,497

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

4.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2025	01/04/2025
	Trả trước cho các bên liên quan	-	-
	Trả trước cho người bán khác	2,788,534,622	5,823,955,191
	Trường Cao Đẳng Đường Sắt	742,153,927	742,153,927
	Nhà cung cấp khác	2,046,380,695	5,081,801,264
	Cộng	2,788,534,622	5,823,955,191

5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác

5a.	Phải thu ngắn hạn khác	30/06/2025		01/04/2025	
		Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
	Phải thu các bên liên quan	586,651,000	(405,600,000)	1,191,792,775	(405,600,000)
	Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - Quỹ phúc lợi	100,000,000	-	359,530,601	-
	Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu - Quỹ phúc lợi	-	-	282,736,000	-
	Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu - Khác	-	-	789,529	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Giải Pháp Công Nghệ Tiên Phong - Quỹ phúc lợi	81,051,000	-	81,051,000	-
	Công ty TNHH liên doanh Global sitem - Quỹ phúc lợi	-	-	58,138,000	-
	Công ty TNHH liên doanh Global sitem - Khác	-	-	3,947,645	-
	Công ty Cổ Phần INTELNET - khác	405,600,000	(405,600,000)	405,600,000	(405,600,000)
	Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	642,978,853	-	741,948,262	-
	Ký cược, ký quỹ	423,531,476	-	425,257,586	-
	Tạm ứng	25,000,000	-	14,952,080	-
	Phải thu khác	194,447,377	-	301,738,596	-
	Cộng	1,229,629,853	(405,600,000)	1,933,741,037	(405,600,000)

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

6.	Nợ khó đòi	30/06/2025		01/04/2025	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<i>Các bên liên quan</i>	405,600,000	-	408,420,000	-
	Công ty Cổ Phần INTELNET	405,600,000	-	408,420,000	-
	<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	77,758,102,927	-	79,803,692,024	1,045,589,097
	Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	64,604,233,427	-	66,782,737,696	1,045,589,097
	Công ty Cổ phần 715	2,196,346,285	-	2,196,346,285	-
	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3,896,814,588	-	3,896,814,588	-
	Công ty Cổ Phần BON	110,000,000	-	110,000,000	-
	Công ty Cổ Phần BOT Phà Lại	1,585,978,571	-	1,585,978,571	-
	Công Ty TNHH BOT Thiên Tân Quảng Ngãi	124,114,262	-	124,114,262	-
	Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5,240,615,794	-	5,107,700,622	-
	Cộng	78,163,702,927	-	80,212,112,024	1,045,589,097

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	30/06/2025	01/04/2025
Số đầu năm	79,166,522,927	85,287,118,417
Hoàn nhập dự phòng khó đòi	1,002,820,000	7,648,041,350
Xóa sổ	-	366,026,993
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1,893,472,853
Số cuối năm	78,163,702,927	79,166,522,927

7. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	45,537,476,110	(12,219,575,975)	23,495,102,021	(12,219,575,975)
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	553,848,000	-
Hàng hóa	789,861,605	(243,178,604)	1,041,762,442	(243,178,604)
Cộng	46,327,337,715	(12,462,754,579)	25,090,712,463	(12,462,754,579)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2025	01/04/2025
Công cụ, dụng cụ	19,554,926	17,291,668
Chi phí bảo hiểm	33,070,727	16,665,908
Chi phí khác	331,552,269	77,483,465
Cộng	384,177,922	111,441,041

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025	01/04/2025
Chi phí sửa chữa	384,324,131	0
Công cụ, dụng cụ	47,242,670	33,194,456
Cộng	431,566,801	33,194,456

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	50,300,949,660	17,382,379,853	2,897,755,000	488,375,847	71,069,460,360
Thanh lý	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	46,079,917.00	46,079,917
Số cuối kỳ	50,300,949,660	17,382,379,853	2,897,755,000	534,455,764	71,115,540,277
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22,481,724,278	17,382,379,853	2,123,365,017	488,375,847	42,475,844,995
Khấu hao trong năm	425,804,475	-	40,757,367	2,559,996	469,121,838
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	22,907,528,753	17,382,379,853	2,164,122,384	490,935,843	42,944,966,833
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	27,819,225,382	-	774,389,983	-	28,593,615,365
Số cuối kỳ	27,393,420,907	-	733,632,616.00	43,519,921	28,170,573,444

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24,053,529,245	717,768,000	24,771,297,245
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	0
Số cuối kỳ	24,053,529,245	717,768,000	24,771,297,245
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11,101,300,947	203,367,600	11,304,668,547
Khấu hao trong kỳ	191,916,459	35,888,400	227,804,859
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-	-
Số cuối kỳ	11,293,217,406	239,256,000	11,532,473,406
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12,952,228,298	514,400,400	13,466,628,698
Số cuối kỳ	12,760,311,839	478,512,000	13,238,823,839

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/04/2025
Phải trả các bên liên quan	2,394,690,925	2,159,459,342
Công ty CP Kỹ Thuật điện Toàn Cầu	-	3,517,804
Công ty CP đầu tư giải pháp công nghệ Tiên Phong	2,394,690,925	2,141,967,571
Công ty TNHH Global - Sitem	-	13,973,967
Phải trả các nhà cung cấp khác	11,313,404,474	7,528,515,708
Công ty TNHH TMDV Việt Tín Thông	154,261,640	154,261,640
Công ty CP Công Nghiệp Giao Thông Đông Hải	531,520,000	531,520,000
Công ty CP Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Phát Triển 194 Việt Nam	260,506,664	260,506,664
Các nhà cung cấp khác	10,367,116,170	6,582,227,404
Cộng	13,708,095,399	9,687,975,050

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025	01/04/2025
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	9,208,974,584	6,836,182,972
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Thành Hưng	2,442,791,612	-
Công ty IVU TRAFFIC TECHNOLOGIES AG-TC T/H gói thầu EPC cho DA "HĐH TT Điều hành VT Đường sắt - OCC" tại Việt Nam	681,455,732	681,455,732
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam	439,090,300	439,090,300
Các khách hàng khác	5,645,636,940	5,715,636,940
Cộng	9,208,974,584	6,836,182,972

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/04/2025		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2025	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1,399,946,016	1,399,946,016	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu			110,130,304	110,130,304	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	44,952,518	-	462,545,879	247,949,617	259,548,780	-
Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí, thuế khác phải nộp	-	-	-	-	-	-
Cộng	44,952,518	-	1,972,622,199	1,758,025,937	259,548,780	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Không chịu thuế
0%
8%-10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

14.	Phải trả người lao động	30/06/2025	01/04/2025		
	Lương, thưởng phải trả nhân viên.	-	3,372,991,107		
	Cộng	-	3,372,991,107		
15.	Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2025	01/04/2025		
	Chi phí phải trả dịch vụ	100,000,000	100,000,000		
	Chi phí phải trả lãi vay tạm tính	-	156,998,545		
	Cộng	100,000,000	256,998,545		
16.	Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác				
	16a. Phải trả ngắn hạn khác	30/06/2025	01/04/2025		
	Phải trả các bên liên quan	-	2,835,540		
	Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	-	2,835,540		
	Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1,007,623,759	418,577,910		
	Phải trả khác	722,220,319	133,174,470		
	Nhận ký quỹ, ký cược	285,403,440	285,403,440		
	Cộng	1,007,623,759	421,413,450		
	16b. Phải trả dài hạn khác	30/06/2025	01/04/2025		
	Phải trả các bên liên quan	-	-		
	Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	195,200,000	195,200,000		
	Nhận ký quỹ, ký cược	195,200,000	195,200,000		
	Cộng	195,200,000	195,200,000		
17.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn				
	17a. Vay ngắn hạn	30/06/2025	01/04/2025		
		Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
	Vay ngắn hạn ngân hàng	2,040,128,654	2,040,128,654	19,868,672,844	19,868,672,844
	Vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN HCM (1)	2,040,128,654	2,040,128,654	13,063,263,229	13,063,263,229
	Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong, CN Bến Thành	-	-	6,805,409,615	6,805,409,615
	Vay cá nhân khác	-	-	7,000,000,000	7,000,000,000
	Cộng	2,040,128,654	2,040,128,654	26,868,672,844	26,868,672,844

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toà nhà ITD

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/04/2025	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2025
Vay ngắn hạn ngân hàng	19,868,672,844	4,706,962,826	22,535,507,016	2,040,128,654
Vay ngắn hạn cá nhân, tổ chức khác	7,000,000,000	-	7,000,000,000	-
Cộng	26,868,672,844	4,706,962,826	29,535,507,016	2,040,128,654

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	577,278,473
Trích lập dự phòng	5,690,400
Số cuối kỳ	582,968,873

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2,483,499,454
Số sử dụng	(559,985)
Số cuối kỳ	2,482,939,469

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	1,805,524,991
------------	---------------

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	541,322,964
---------------------------------	-------------

Quỹ khen thưởng phúc lợi công ty con chuyển về	(121,809,513)
--	---------------

Chi, quyết toán sử dụng quỹ trong kỳ	(64,951,282)
--------------------------------------	--------------

Số cuối kỳ	2,160,087,160
------------	---------------

20. Vốn chủ sở hữu

21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	245,335,910,000	(721,880,000)	-	(18,711,323,912)	225,902,706,088
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-
Hoàn quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	38,114,482,657	38,114,482,657
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(638,906,344)	(638,906,344)
Quyết toán quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay	-	-	-	135,166,779	135,166,779
Quyết toán quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	-	(68,598,331)	(68,598,331)
Số dư cuối Kỳ trước	245,335,910,000	(721,880,000)	-	18,830,820,849	263,444,850,849
Số dư đầu Kỳ này	245,335,910,000	(721,880,000)	-	18,830,820,849	263,444,850,849
Lợi nhuận trong kỳ				5,919,438,582	5,919,438,582
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	(230,000,000)	(230,000,000)
Quyết toán quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước				64,951,282	64,951,282
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi 2024				(180,000,000)	(180,000,000)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi 2023				(361,322,964)	(361,322,964)
Số dư cuối Kỳ này	245,335,910,000	(721,880,000)	-	24,043,887,749	268,657,917,749

21 b. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30/06/2025	01/04/2025
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24,533,591	24,533,591
- Có phiếu phổ thông	24,533,591	24,533,591
- Có phiếu ưu đãi	24,533,591	24,533,591
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Có phiếu phổ thông	72,188	72,188
- Có phiếu ưu đãi	72,188	72,188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24,461,403	24,461,403
- Có phiếu phổ thông	24,461,403	24,461,403
- Có phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Tổng doanh thu	7,755,951,136	25,587,662,114	7,755,951,136	25,587,662,114
- Doanh thu bán hàng hóa	3,354,421,000	20,413,421,282	3,354,421,000	20,413,421,282
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,401,530,136	5,174,240,832	4,401,530,136	5,174,240,832
Doanh thu thuần	7,755,951,136	25,587,662,114	7,755,951,136	25,587,662,114

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	3,678,253,271	17,168,715,262	3,678,253,271	17,168,715,262
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,148,905,785	2,706,589,971	1,148,905,785	2,706,589,971
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
Cộng	4,827,159,056	19,875,305,233	4,827,159,056	19,875,305,233

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	230,166,380	68,592,064	230,166,380	68,592,064
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1,666,038	6,833,675	1,666,038	6,833,675
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,976,410,000	3,309,398,000	2,976,410,000	3,309,398,000
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(6,084,571)	-	(6,084,571)	-
Khác	-	207,441,048	-	207,441,048
Cộng	3,202,157,847	3,592,264,787	3,202,157,847	3,592,264,787

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Chi phí lãi vay	147,499,891	591,360,960	147,499,891	591,360,960
Lỗ CLTG phát sinh	-	4,091,362	-	4,091,362
Cộng	147,499,891	595,452,322	147,499,891	595,452,322

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Chi phí cho nhân viên	-	2,309,037,550	-	2,309,037,550
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	64,874,120	-	64,874,120
Chi phí bảo hành	-	21,582,878	-	21,582,878
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	2,499,999	-	2,499,999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,306,735	176,653,072	1,306,735	176,653,072
Chi phí khác	2,149,160	99,747,449	2,149,160	99,747,449
Cộng	3,455,895	2,674,395,068	3,455,895	2,674,395,068

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Chi phí cho nhân viên	501,505,392	1,339,284,231	501,505,392	1,339,284,231
Chi phí đồ dùng văn phòng	23,376,891	37,437,847	23,376,891	37,437,847
Chi phí khấu hao TSCĐ	76,645,767	101,312,734	76,645,767	101,312,734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	397,773,574	600,977,066	397,773,574	600,977,066
Chi phí khác	(912,780,246)	23,910,355	(912,780,246)	23,910,355
Cộng	86,521,378	2,102,922,233	86,521,378	2,102,922,233

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Thanh lý CCDC, TSCĐ	-	-	-	-
Thu nhập khác	27,451,459	24,002,861	27,451,459	24,002,861
Cộng	27,451,459	24,002,861	27,451,459	24,002,861

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Chi phí khác	1,485,640	181,768,156	1,485,640	181,768,156
Cộng	1,485,640	181,768,156	1,485,640	181,768,156

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**Thuế suất áp dụng**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 đến 30/06/2024	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23,376,891	102,311,967	23,376,891	102,311,967
Chi phí nhân công	501,505,392	3,648,321,781	501,505,392	3,648,321,781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	696,926,697	770,848,822	696,926,697	770,848,822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,813,808,487	3,192,319,367	8,813,808,487	3,192,319,367
Chi phí bằng tiền khác	(884,863,345)	278,289,209	(884,863,345)	278,289,209
Cộng	9,150,754,122	7,992,091,146	9,150,754,122	7,992,091,146

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập và thù lao của HĐQT, BKS và các quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Lũy kế đến 30/06/2025	Lũy kế đến 30/06/2024
Mai Hoài An	Chủ tịch hội đồng quản trị	633,662,795	15,300,000
Nguyễn Hữu Dũng	Phó chủ tịch hội đồng quản trị	26,000,000	15,300,000
Nguyễn Ngọc Trung	Tổng giám đốc kiêm TV HĐQT	626,000,000	15,300,000
Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó chủ tịch HĐQT thường trực (từ nhiệm ngày 26/06/2025)	21,500,000	375,300,000
Đình Thế Hiển	Thành viên HĐQT	24,500,000	-
Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban kiểm soát (từ nhiệm ngày 26/06/2025)	21,500,000	-
Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc kiểm soát nội bộ	533,248,329	144,300,000
Trần Thị Thu Tâm	Thành viên ban kiểm soát (từ nhiệm ngày 26/06/2025)	15,500,000	9,300,000
Vũ Thị Nữ	Kế toán trưởng	176,960,714	-
Cộng		2,078,871,838	574,800,000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Cùng tập đoàn	
Công ty cổ phần In No	Cùng tập đoàn	
Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:		
	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	236,797,334	215,748,301
Phải thu chi phí chia sẻ	-	65,267,471

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2025 đến 30/06/2025 của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ 01/04/2025 đến 30/06/2025	Lũy kế từ 01/04/2024 đến 30/06/2024
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	583,650,676	552,038,216
Mua hàng hoá và dịch vụ	11,399,005	188,526,149
Vay tiền	-	2,000,000,000
Trả tiền vay	-	3,000,000,000
Lãi vay phải trả	-	243,616,439
Phải thu chi phí chia sẻ	30,000,000	121,888,699
Phải trả chi phí chia sẻ	-	1,946,500
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải Pháp Công Nghệ Tiên Phong		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	735,852,470	-
Bán hàng hoá và dịch vụ	1,298,200	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	9,064,851,165	1,800,800,000
Phải thu chi phí chia sẻ	-	4,805,000
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	457,330,590	422,686,604
Bán hàng hoá và dịch vụ	-	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	20,105,556	-
Phải thu chi phí chia sẻ	-	51,195,000
Phải trả chi phí chia sẻ	-	1,854,250
Phải thu tiền lãi cho vay	-	41,906,921
Cho vay	-	2,000,000,000
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	-	150,221,977
Thu tiền cho mượn	-	100,000,000
Phải thu chi phí chia sẻ	-	12,660,000
Công ty cổ phần tư vấn và phát triển phần mềm LARION		
Nhận cổ tức	2,976,410,000	3,309,398,000

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2025 đến 30/06/2025

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Hạ tầng - Giao thông	727,652,800	255,240,816	472,411,984
Viễn thông - tin học	3,228,408,200	2,942,220,337	286,187,863
Lĩnh vực khác	3,799,890,136	1,629,697,903	2,170,192,233
Tổng cộng	7,755,951,136	4,827,159,056	2,928,792,080

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Người lập biểu



Vũ Thị Nữ

Kế toán trưởng



Vũ Thị Nữ

TP. HCM, Ngày 25 tháng 07 năm 2025

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Trung

